

Bản án số: **435/2024/DS-ST**
Ngày: 28/6/2024
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Thiện

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Đỗ Thị Thu Hương

2/ Ông Huỳnh Hồng Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Lữ - Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Út Hậu – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2024/TLST-DS ngày 29 tháng 02 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 372/2024/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bank SinoPac Company Limited (Ngân hàng S1)

Trụ sở: No.36 Nanking E.Road, S.3, Đ, Đài Loan, Trung Quốc.

Tên chi nhánh: Ngân hàng S1 – Chi nhánh Thành phố H

Địa chỉ: Tầng I F, số C L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lữ Thái Hoàng Q, sinh năm 1993 và ông Nguyễn Lâm V, sinh năm 2000, cùng địa chỉ liên hệ: Tầng I F, số C L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền. (Ông V có mặt).

2. Bị đơn: Bà Bùi Nguyễn Nguyệt D, sinh năm 1991

Địa chỉ: 6 B, Phường E, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

(Bà D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/01/2024 của nguyên đơn B (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng S1) và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có người đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Lâm V trình bày:

Ngày 25/10/2022, Ngân hàng S1 và bà Bùi Nguyễn Nguyệt D có ký kết với nhau Thỏa thuận cho vay cá nhân số 21517PL nội dung cụ thể như sau: Ngân hàng SinoPac cho bà D vay số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 48 tháng kể từ ngày 25/10/2022 đến ngày 25/10/2026, mục đích cho vay để mua hàng hóa (Đồ nội thất cũ). Lãi suất trong hạn cố định 12%/năm từ ngày giải ngân, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi suất phạt chậm trả lãi là 10%/năm. Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng S1 đã thực tế giải ngân cho bà Bùi Nguyễn Nguyệt D số tiền trên vào tài khoản của bà D tại Ngân hàng S1 theo thỏa thuận tuy nhiên bà D vi phạm nghĩa vụ thanh toán do đó Ngân hàng S1 đã ra Thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ khoản vay của bà D và chuyển toàn bộ dư nợ sang quá hạn kể từ ngày 16/11/2023. Tạm tính đến ngày 12/4/2024, bà Bùi Nguyễn Nguyệt D còn nợ Ngân hàng S1 số tiền là 448.104.762 đồng trong đó tiền nợ gốc là 400.264.139 đồng, tiền lãi trong hạn là 19.784.473 đồng, tiền lãi quá hạn là 26.811.670 đồng, lãi phạt chậm trả lãi, phạt trễ kỳ là 1.244.480 đồng. Nay Ngân hàng S1 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Bùi Nguyễn Nguyệt D phải thanh toán cho Ngân hàng S1 số tiền nợ trên và tiếp tục trả tiền lãi, lãi phạt theo mức lãi suất quy định tại Thỏa thuận cho vay cá nhân đã ký giữa hai bên kể từ ngày 13/4/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà D vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn Ngân hàng có người đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Lâm V trình bày: Ngân hàng vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án. Tạm tính đến ngày 28/6/2024, bà D còn nợ Ngân hàng S1 số tiền là **464.103.939 (Bốn trăm sáu mươi bốn triệu một trăm lẻ ba nghìn chín trăm ba mươi chín) đồng, trong đó bao gồm nợ gốc là 400.264.139 đồng, nợ lãi trong hạn là 19.784.473 đồng, nợ lãi quá hạn là 42.010.741 đồng và lãi phạt là 2.044.586 đồng.** Ngân hàng S1 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà D phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số nợ gốc và lãi nêu trên, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 29/6/2024 cho đến khi thanh toán xong theo lãi suất các bên đã thỏa thuận trong Thỏa thuận cho vay cá nhân số 21517PL ngày 25/10/2022.

Bị đơn bà D vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi Tòa án nhân dân quận Tân Bình thụ lý vụ án đến nay, trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Nhận thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S1 là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Bùi Nguyễn Nguyệt D trả cho Ngân hàng S1 số tiền nợ tạm tính đến ngày 28/6/2024 là **464.103.939 (Bốn trăm sáu mươi bốn triệu một trăm lẻ ba nghìn chín trăm ba mươi chín) đồng**, trong đó bao gồm nợ gốc là 400.264.139 đồng, nợ lãi trong hạn là 19.784.473 đồng, nợ lãi quá hạn là 42.010.741 đồng và lãi phạt là 2.044.586 đồng, trả 01 lần ngay sau khi bản án có hiệu lực đồng thời có trách nhiệm tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 29/6/2024 cho đến khi thanh toán xong.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về áp dụng pháp luật tố tụng:*

[1.1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả nợ gốc, lãi theo Thỏa thuận cho vay cá nhân đã ký kết. Do đó xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Xét thấy bị đơn bà Bùi Nguyễn Nguyệt D có nơi cư trú tại quận T, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] *Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:* Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt. Bị đơn vắng mặt. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 207, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án có căn cứ tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về áp dụng pháp luật nội dung:*

[2.1] *Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc là 400.264.139 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:*

Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện nguyên đơn và bị đơn có ký Thỏa thuận cho vay cá nhân số 21517PL ngày 25/10/2022. Theo đó nguyên đơn đã đồng ý cho bị đơn vay số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 48 tháng kể từ ngày 25/10/2022 đến ngày 25/10/2026, mục đích cho vay để mua hàng hóa (Đồ nội thất cũ). Lãi suất trong hạn cố định 12%/năm từ ngày giải ngân, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi suất phạt chậm trả lãi là 10%/năm. Căn cứ lệnh chuyển tiền trong nước ngày 25/10/2022, Ngân hàng S1 đã thực tế giải ngân cho bà Bùi Nguyễn Nguyệt D số tiền 500.000.000 đồng vào tài khoản của bà D tại Ngân hàng S1 tuy nhiên bà D vi phạm nghĩa vụ thanh toán do đó Ngân hàng S1 đã ra Thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ

khoản vay của bà D và chuyển toàn bộ dư nợ sang quá hạn kể từ ngày 16/11/2023. **Tính đến ngày 28/6/2024 bị đơn chưa thanh toán nợ gốc là 400.264.139 đồng. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Thỏa thuận cho vay cá nhân số 21517PL ngày 25/10/2022 nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền nợ gốc 400.264.139 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.**

[2.2] *Xét yêu cầu buộc bị đơn trả tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn và lãi phạt:*

Hội đồng xét xử xét thấy: Tại Khoản 2 Điều 91 luật các tổ chức tín dụng quy định “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*” và khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N quy định: “*Khi đến hạn thanh toán mà khách hàng không trả hoặc trả không đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay theo thỏa thuận, thì khách hàng phải trả lãi tiền vay như sau: a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất cho vay đã thỏa thuận tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; b) Trường hợp khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi theo quy định tại điểm a khoản này, thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận nhưng không vượt quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; c) Trường hợp khoản nợ vay bị chuyển nợ quá hạn, thì khách hàng phải trả lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất áp dụng không vượt quá 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn*”.

Từ những quy định nêu trên thì việc thỏa thuận lãi và phí giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật. Do đó nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi và phí tính đến ngày 28/6/2024 bao gồm: **Nợ lãi trong hạn là 19.784.473 đồng, nợ lãi quá hạn là 42.010.741 đồng và lãi phạt là 2.044.586 đồng** và tiền lãi phát sinh từ ngày 29/6/2024 cho đến khi trả hết nợ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Xét thấy bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn trong thời gian dài làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền trên một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh: Hội đồng xét xử nhận thấy quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh là đúng quy định pháp luật nên chấp nhận.

[4] *Về án phí sơ thẩm:* Yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ, theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ **Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;**

- Căn cứ Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn B (Ngân hàng S1).

Buộc bà Bùi Nguyễn Nguyệt D phải trả cho Ban K (Ngân hàng S1) tổng số tiền tính đến ngày **28/6/2024 là 464.103.939 (Bốn trăm sáu mươi bốn triệu một trăm lẻ ba nghìn chín trăm ba mươi chín) đồng, trong đó bao gồm nợ gốc là 400.264.139 đồng, nợ lãi trong hạn là 19.784.473 đồng, nợ lãi quá hạn là 42.010.741 đồng và lãi phạt là 2.044.586 đồng.**

Kể từ ngày 29/6/2024 cho đến khi thi hành án xong, bà Bùi Nguyễn Nguyệt D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Thỏa thuận cho vay cá nhân số 21517PL ngày 25/10/2022 ký giữa Ngân hàng S1 và bà Bùi Nguyễn Nguyệt D.

Thanh toán một lần sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại cơ quan có thẩm quyền thi hành án dân sự.

2. Về án phí:

Bà Bùi Nguyễn Nguyệt D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là **22.564.158 (Hai mươi hai triệu năm trăm sáu mươi bốn nghìn một trăm năm mươi tám) đồng.**

H lại Ban K (Ngân hàng S1) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.746.326 (Mười triệu bảy trăm bốn mươi sáu nghìn ba trăm hai mươi sáu) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001190 ngày 26/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt, niêm yết hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình;
- Đương sự;
- Lưu vp, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quang Thiện